

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Đặng Hà My

myhd@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

Thứ tư, ngày 4 tháng 9 năm 2019

Vietnam Daily Review

Tiếp tục điều chỉnh

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 5/9/2019		•	
Tuần 2/9-6/9/2019		•	
Tháng 9/2019		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Tiếp nối đà giảm của phiên hôm qua, VN-Index mở cửa chìm trong sắc đỏ khi các mã bluechips trụ cột thị trường như VCB, SAB, VJC tiếp tục chịu áp lực bán và là yếu tố chính kéo chỉ số lùi xa mốc tham chiếu. Tuy nhiên, đến phiên chiều, đà giảm được thu hẹp nhờ các mã VHM, GAS, MSN mở rộng biên độ tăng. Thị trường có phiên giảm điểm trái ngược với xu hướng chung của thị trường khu vực cùng với thanh khoản tăng nhẹ mặc dù vẫn ở mức thấp. Trước tình trạng thiếu thông tin hỗ trợ, những nhịp điều chỉnh tương tự có thể sẽ tiếp tục trong tuần này và nhiều khả năng chỉ số sẽ kiểm tra lại ngưỡng 975 điểm.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL có diễn biến trái chiều so với chỉ số cơ sở. Kết thúc phiên, các hợp đồng đều tăng. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp canh mua với giá mục tiêu quanh ngưỡng 890 điểm cho hợp đồng trung hạn và dài hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 04/09/2019, thị trường chứng quyền diễn biến ảm đạm, trong khi chứng khoán cơ sở có sự phân hóa về giá. Khối lượng giao dịch giảm. PNJ đang tích lũy quanh ngưỡng giá 82 sau khi tạo đáy tại ngưỡng giá 80. Thanh khoản đang có xu hướng giảm báo hiệu khả năng điều chỉnh giảm trong ngắn hạn. Bên cạnh đó, các chỉ báo kỹ thuật cũng ủng hộ trạng thái này, nhiều khả năng chứng quyền cổ phiếu này sẽ tiếp tục gặp áp lực giảm trong những phiên tới.

Danh mục i-Invest: Theme_Vật liệu Xây dựng_0.5%. Danh mục **Vật liệu Xây dựng** - gồm các công ty có năng lực sản xuất tốt và tiềm năng tăng trưởng dài hạn khả quan - hôm nay có mức hiệu suất ngày ấn tượng **0.5%**, con số này của **VNINDEX** là **-0.2%**. Có **6/14** danh mục Chủ đề có hiệu suất **tốt hơn VNINDEX**.

Phân tích kỹ thuật: TCB_Tín hiệu tích cực (Trang 3)

Điểm nhấn

- VN-Index **-1.73 điểm**, đóng cửa 977.63. HNX-Index **-0.45 điểm**, đóng cửa 100.95.
- Kéo chỉ số tăng: **VHM (+1.41); MSN (+0.35); GAS (+0.34); TCB (+0.31); MBB (+0.12).**
- Kéo chỉ số giảm: **SAB (-1.64); VIC (-0.59); VCB (-0.54); VPB (-0.35); HVN (-0.35).**
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **2,491.98 tỷ đồng**, **+1%** so với phiên hôm trước.
- Biên độ dao động là 6.54 điểm. Thị trường có 129 mã tăng và 188 mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **34.12 tỷ đồng** trên sàn HOSE, gồm HPG (42.67 tỷ), VCB (15.18 tỷ) và VRE (11.48 tỷ). Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **17.76 tỷ đồng**.

VN-INDEX

977.63

Giá trị: 2491.99 tỷ

-1.73 (-0.18%)

Khối ngoại (ròng): -34.12 tỷ

HNX-INDEX

100.95

Giá trị: 329.49 tỷ

-0.45 (-0.44%)

Khối ngoại (ròng): -17.76 tỷ

UPCOM-INDEX

57.10

Giá trị: 487.49 tỷ

-0.21 (-0.37%)

Khối ngoại(ròng): 25.47 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	54.2	0.46%
Giá vàng	1,539	-0.55%
Tỷ giá USD/VND	23,198	0.00%
Tỷ giá EUR/VND	25,446	0.22%
Tỷ giá JPY/VND	21,833	-0.28%
LS liên NH 1 tháng	3.9%	-0.71%
LS TPCP 5 năm	3.3%	-0.84%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VNM	22.9	VRE	36.8
VHM	11.4	TCD	7.8
NVL	9.5	VHC	6.8
VIC	8.1	HDB	6.1
KDH	6.2	HDC	5.9

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
i-INVEST	Trang 2
Tín hiệu hàng hóa	Trang 3
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 4
Thị trường phái sinh	Trang 5
Cổ phiếu lớn	Trang 6
Thống kê thị trường	Trang 7
Báo cáo mới nhất	Trang 8
iBroker	Trang 9
Khuyến cáo sử dụng	Trang 10



Sử dụng i-Invest tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video giới thiệu danh mục Chủ đề

[Link](#)
[Link](#)

* Danh mục **Vật liệu Xây dựng** - gồm các công ty có năng lực sản xuất tốt và tiềm năng tăng trưởng dài hạn khả quan - hôm nay có mức hiệu suất ngày ấn tượng **0.5%**, con số này của **VNINDEX** là **-0.2%**. Có **6/14 danh mục** Chủ đề có hiệu suất **tốt hơn VNINDEX**.

* Trong bối cảnh VNINDEX đi ngang, danh mục Mục tiêu và Khẩu vị Rủi ro tiếp tục cho thấy tính ổn định và an toàn:

- **15/18 danh mục** Mục tiêu có mức hiệu suất tuần **khả quan**
- **6/7 danh mục** Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất tuần **khả quan**

Cập nhật hiệu suất danh mục i-Invest

Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Vật liệu Xây dựng_0.5%

Danh mục	Hiệu suất danh mục						
	1 ngày	1 tuần	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm
Chủ đề	Bảng bao gồm hiệu suất của tất cả các danh mục Chủ đề						
Vật liệu Xây dựng	0.5%	0.0%	0.7%	4.5%	-1.5%	5.7%	8.8%
Dầu khí	0.3%	-0.8%	-2.1%	-1.2%	-1.4%	-0.3%	13.5%
Bảo hiểm & Chứng khoán	0.2%	-1.7%	-4.9%	-5.5%	-12.8%	-12.1%	37.5%
MSCI frontier 100 Việt Nam	0.0%	0.6%	0.8%	1.1%	-3.3%	2.5%	85.9%
Ngân hàng	-0.1%	-0.1%	3.6%	10.9%	3.4%	-0.2%	73.1%
BDS & Khu công nghiệp	-0.1%	-0.2%	1.5%	5.9%	2.1%	6.9%	59.8%
Xây dựng & Vật liệu XD	-0.2%	-0.7%	-3.0%	-2.1%	-7.8%	-8.2%	-6.2%
Nước & Năng lượng	-0.4%	0.2%	0.4%	-0.8%	-1.2%	11.9%	58.2%
Xây dựng	-0.5%	-0.6%	-1.3%	-3.6%	-12.6%	-14.3%	26.2%
Chiến tranh thương mại	-0.6%	-0.5%	-0.9%	-1.5%	-4.0%	9.2%	10.2%
Cổ phiếu hết room ngoại	-0.7%	-0.8%	2.1%	9.4%	4.5%	3.1%	72.0%
Top 10 cổ phiếu VN30	-1.0%	-0.4%	3.5%	4.8%	1.0%	1.6%	71.3%
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	-1.1%	-1.2%	-2.6%	-0.5%	2.5%	16.1%	49.8%
Hàng tiêu dùng	-1.3%	-0.7%	0.1%	5.8%	4.4%	6.2%	58.8%

Mục tiêu	Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.						
Danh mục 18	0.9%	0.6%	2.0%	0.9%	0.0%	11.1%	103.6%
Danh mục 12	0.9%	0.8%	1.5%	0.5%	-0.3%	10.5%	111.4%
Danh mục 14	0.4%	0.7%	4.5%	4.9%	3.5%	3.4%	40.9%
Danh mục 15	-0.5%	0.9%	3.4%	7.2%	0.8%	1.9%	62.2%
Danh mục 9	-0.6%	0.8%	3.7%	7.8%	5.0%	6.3%	58.5%

* Note **15/18 danh mục** Mục tiêu có mức hiệu suất tuần **khả quan**

Khẩu vị Rủi ro	Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.						
Danh mục 21	0.6%	0.8%	3.3%	6.5%	4.1%	1.4%	45.2%
Danh mục 24	0.3%	1.5%	3.2%	10.4%	7.6%	5.7%	64.8%
Danh mục 23	0.1%	0.4%	2.2%	1.9%	-1.4%	10.2%	123.8%
Danh mục 19	-0.7%	1.0%	3.9%	7.9%	6.7%	9.7%	52.1%
Danh mục 22	-0.8%	0.4%	4.8%	11.8%	8.7%	3.3%	65.1%

* Note **6/7 danh mục** Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất tuần **khả quan**

INDEX							
VNINDEX	-0.2%	0.0%	0.5%	3.1%	-0.8%	0.2%	46.1%
VN30INDEX	-0.2%	0.1%	0.2%	2.7%	-3.8%	-8.5%	34.6%

*Để xem chi tiết danh mục xin vui lòng đăng nhập vào BSC i-Invest theo đường link:

*Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu lịch sử có thể không phản ánh tương lai.

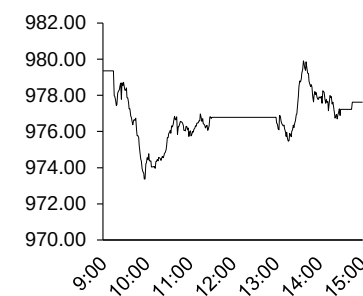
<https://invest.bsc.com.vn/#/login>

BSC RESEARCH

9/4/2019

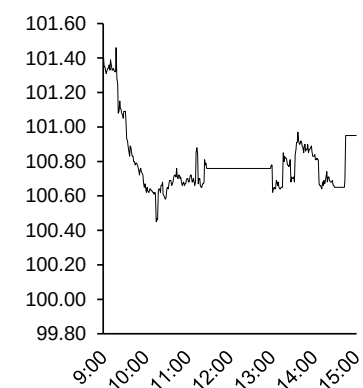
Vietnam Daily Review

Hình 1
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2
HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Du lịch và Giải trí	-1.5%
Xây dựng và Vật liệu	-1.4%
Hóa chất	-1.0%
Thực phẩm và đồ uống	-0.8%
Công nghệ Thông tin	-0.8%
Hàng cá nhân & Gia dụng	-0.8%
Ô tô và phụ tùng	-0.5%
Ngân hàng	-0.3%
Tài nguyên Cơ bản	-0.3%
Bán lẻ	-0.1%
Dầu khí	0.2%
Bất động sản	0.2%
Dịch vụ tài chính	0.4%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	0.4%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	0.5%
Bảo hiểm	0.5%
Y tế	0.9%
Truyền thông	3.5%

Nguồn: FiinPro

Phân tích kỹ thuật

TCB_Tín hiệu tích cực

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tăng giá
- Chỉ báo xu hướng MACD: Hội tụ dương, MACD nằm trên đường tín hiệu.
- Chỉ báo RSI: Vùng trung lập, xu hướng tăng.

Nhận định: Cổ phiếu TCB đang hình thành xu hướng hồi phục. Thanh khoản cổ phiếu đang duy trì ở mức trung bình 20 phiên, cho thấy động lực tăng giá đang hình thành. Chỉ báo RSI đang cho thấy xu hướng tích cực trong khi chỉ báo MACD ủng hộ xu hướng tích lũy. Đường giá cổ phiếu cũng đã vượt lên dải mây ichomoku, báo hiệu xu hướng tăng trong trung hạn. Như vậy, TCB sẽ hồi phục và kiểm tra lại ngưỡng kháng cự cũ tại vùng giá 23-24 trong trung hạn sau khi tích lũy ngắn hạn quanh ngưỡng giá 21.



Nguồn: BSC, PTKT Iboard

Phân tích cơ bản về cổ phiếu

Dự báo KQKD: Dự báo 2019. BSC dự báo, trong năm 2019, TCB sẽ ghi nhận TOI và PBT lần lượt đạt mức 21,075 tỷ VND (+14.9% yoy) và 11,208 tỷ VND (+5.13% yoy). Dự báo này dựa trên giả định (1) tăng trưởng tín dụng +13%, bằng với hạn mức cho phép của SBV, (2) cho vay +4.8% yoy, huy động +4% yoy, (3) NIM = 4.4% từ việc tăng tỷ lệ casa và cơ cấu lại các khoản vay với lãi suất cao hơn, (4) NPL = 1.35%, tỷ lệ bao nợ xấu = 90%, (5) không còn các khoản thu nhập bất thường từ thoái vốn và hoàn nhập dự phòng, (6) thu hồi nợ ngoại bảng = 1,500 tỷ VND. Hiện nay, TCB đang được giao dịch với P/E = 10.14x và P/B = 1.62x, tương đương với trung bình ngành hiện tại.

Cập nhật KQKD: KQKD 1Q2019. TOI = 4,395 tỷ VND (-5.7% yoy), nếu loại trừ thu nhập bất thường (bán TCB Finance) thì TOI +16.7% yoy, PBT = 2,617 tỷ VND (+1.9% yoy). Tăng trưởng tín dụng - 0.28% yoy trong quý 1, cho vay khách hàng +2.4% yoy, tiền gửi +3.3% yoy.

Thu nhập lãi thuần +31.9% yoy. NIM = 4.41%, tăng 41 bps so với quý 4/2018 do (1) tỷ lệ casa giữ mức cao, 27% trong cơ cấu huy động, (2) lãi từ chứng khoán nợ tăng mạnh +62.4% ytd, (3) tiếp tục cơ cấu lại các khoản vay với lãi suất cao hơn.

Nợ xấu +4.3% ytd. NPL = 1.34%, trong đó cơ cấu nợ nhóm 5 tăng mạnh lên mức 1.05% tổng dư nợ cho vay (cuối 2018: 0.78%), nợ cần chú ý cũng tăng mạnh lên mức 1.62% (cuối năm 2018: 1.18%). Tỷ lệ bao nợ xấu ở mức 87.7% ở mức trung bình so với ngành. Chi phí dự phòng rủi ro giảm mạnh - 79.7% yoy giúp cải thiện LN của TCB.

Kế hoạch 2019. Tổng tài sản +17% yoy, huy động vốn (bao gồm chứng chỉ tiền gửi) +32% yoy, tăng trưởng tín dụng 13%, NPL < 2.5%, PBT = 11,750 tỷ VND (+10% yoy). Dự kiến tăng trưởng từ hoạt động kinh doanh cốt lõi 20%/năm từ 2019 – 2024.

Cập nhật giá cả hàng hóa ngày 04/09/2019

*Mặt hàng	ĐVT	Sáng 04/09	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	53.84	-1.24%	-1.96%	-2.79%	-22.92%	GAS, BSR	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	58.24	-0.73%	-2.13%	-5.01%	-25.49%	GAS, BSR	PVD, PVT
Xăng	USD/gallon	1.47	-1.67%	-10.79%	-14.33%	-26.19%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1545.49	0.99%	0.29%	5.69%	29.88%	PNJ	PNJ
Bạc	USD/ounce	19.29	4.50%	6.40%	17.89%	37.23%	PNJ	PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	853.04	-0.31%	0.80%	0.33%	2.53%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	447.69	4.35%	-5.50%	-9.47%	-10.95%		AFX
Sữa	USD /cwt	17.61	0.00%	0.06%	0.97%	6.60%	VNM, GTN	KDC
Cao su	JPY/kg	160.40	0.25%	2.49%	-16.81%	2.56%	DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	11.19	0.45%	-0.44%	-5.33%	5.17%	SBT, LSS	VNM, GTN
Chè	USD/kg	3.36	0.00%	5.66%	17.07%	1.82%	GTN, DLG	DLG
Cà phê	UScent/lb	92.30	-1.39%	-1.55%	-3.45%	-5.52%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/lb	2.52	0.29%	-0.96%	-0.70%	-2.49%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép	CNY/ton	3693.00	-0.19%	-0.73%	-6.51%	-21.26%	HSG, HPG	PC1, CTD
Nhôm	USD/ton	1749.00	-0.23%	-0.68%	-0.79%	-15.18%		CAV, SAM
Quặng sắt	USD/ton	89.00	2.89%	1.14%	-15.24%	32.84%	HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	68.90	3.14%	3.92%	-6.83%	-38.73%	HLC, NBC	HT1, BCC

Nguồn: BSC tổng hợp

Thông tin nổi bật**Giá dầu**

- Dầu thô Brent kỳ hạn tháng 10/2019 đóng cửa ngày 03/08 giảm 40 US cent tương đương 0.7% xuống 58.26 USD/thùng. Dầu thô Tây Texas WTI kỳ hạn tháng 09/2019 giảm 1.16 USD tương đương 2.1% xuống 53.94 USD/thùng.
- Giá dầu thô Mỹ giảm 2%, sau các số liệu sản xuất của Mỹ và Eu giảm mạnh làm dấy lên lo ngại về nền kinh tế toàn cầu suy yếu, trong khi chiến tranh thương mại Mỹ - Trung khiến nhu cầu dầu giảm. Ngoài ra giá dầu chịu áp lực giảm do sản lượng dầu Nga trong tháng 8/2019 tăng lên 11.294 triệu thùng/ngày, cao nhất kể từ tháng 3/2019.

Giá vàng

- Vàng giao ngay trên sàn LBMA tăng 1% lên 1,546.3 USD/ounce. Vàng kỳ hạn tháng 12/2019 trên sàn New York tăng 1.7% lên 1,555.9 USD/ounce.
- Vàng tăng hơn 1% sau số liệu sản xuất từ Mỹ làm gia tăng mối lo ngại về suy thoái kinh tế, trong khi những bất ổn về thương mại Mỹ - Trung và Brexit đã thúc đẩy nhu cầu trú ẩn vàng thời.

Giá quặng sắt

- Giá quặng sắt kỳ hạn tháng 1/2020 trên sàn Đại Liên tăng 4.2% lên 644 CNY (90.8 USD)/tấn. Giá quặng sắt tại Trung Quốc tăng hơn 4%, phiên tăng thứ 4 liên tiếp do các nhà máy thép bổ sung dự trữ nguyên liệu ngay cả khi các thành phố sản xuất thép hàng đầu thực hiện các hạn chế chống ô nhiễm môi trường.
- Giá thép cây kỳ hạn trên sàn Thượng Hải tăng 1% lên 3,403 CNY/tấn. Giá thép cuộn cán nóng trên sàn Thượng Hải tăng 1,2% lên 3,454 CNY/tấn.

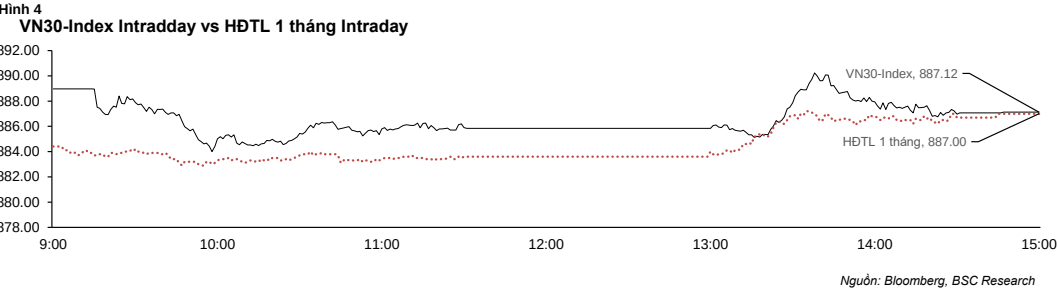
Giá nông sản

- Giá cà phê arabica kỳ hạn tháng 12/2019 giảm 1.3 US cent tương đương 1.34% xuống 95.55 US cent/lb. Giá cà phê robusta kỳ hạn tháng 11/2019 giảm 25 USD tương đương 1.88% xuống 1,304 USD/tấn. Giá đường thô kỳ hạn tháng 10/2019 tăng 0.05 US cent tương đương 0.45% lên 11,19 US cent/lb. Giá đường trắng giao cùng kỳ hạn giảm 0,5 USD tương đương 0,12% xuống 304.4 USD/tấn. Giá đường tăng do hoạt động mua vào đã giúp thị trường hồi phục trở lại từ mức giảm gần 10% trong tháng trước đó, trong khi giá cà phê Arabica chạm thấp nhất 2 tuần.

Giá cao su

- Giá cao su kỳ hạn tháng 2/2020 trên sàn TOCOM giảm 0.8 JPY (0.0076 USD) xuống 162.1 JPY/kg. Giá cao su kỳ hạn tháng 1/2020 trên sàn Thượng Hải tăng 140 CNY (19.74 USD) lên 11,935 CNY/tấn. Giá cao su tại Tokyo giảm do lo ngại nền kinh tế toàn cầu chậm lại trong bối cảnh căng thẳng Mỹ - Trung leo thang.

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	Chênh lệch	%	KLGD	Ngày tới hạn	Số ngày
VN30F1909	887.00	0.44%	-0.12	49.5%	54121	9/19/2019	17
VN30F1910	885.70	0.19%	-1.42	-30.3%	200	10/17/2019	45
VN30F1912	887.50	0.45%	0.38	143.4%	129	12/19/2019	108
VN30F2003	884.90	0.43%	-2.22	140.0%	60	3/19/2020	199

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 Index giảm 1.85 điểm xuống mức 887.12 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như VPB, SAB, VJC, FPT, và VIC tác động mạnh đến xu hướng giảm của VN30. VN30 giằng co dưới ngưỡng 890 điểm. Thanh khoản và các chỉ báo kỹ thuật cho thấy tín hiệu tích lũy kéo dài đến trung hạn.
- Các HĐTL có diễn biến trái chiều so với chỉ số cơ sở. Kết thúc phiên, các hợp đồng đều tăng. Xét về khối lượng giao dịch, các hợp đồng ngắn hạn đang giảm, trong khi các hợp đồng dài hạn hơn lại tăng. Xét về vị thế mở, ngoại trừ VN30F1909, các hợp đồng khác đều tăng. Điều này báo hiệu kỳ vọng tăng giá đang hồi phục trong trung tới dài hạn. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp cạnh mua với giá mục tiêu quanh ngưỡng 890 điểm cho hợp đồng trung hạn và dài hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	CTCK	Ngày đáo hạn	Thời gian còn lại	CR**	KI giao dịch	± Ngày	KLNY (cp)	Độ lệch chuẩn
CHPG1902	KIS	12/11/2019	98	5:1	108,860	10.9%	3,000,000	29.60%
CMWG1901	BSC	9/9/2019	5	4:1	66,460	33.0%	1,000,000	19.63%
CMBB1902	HSC	12/17/2019	104	1:1	227,510	-46.5%	1,000,000	20.59%
CFPT1902	SSI	9/30/2019	26	1:1	45,530	1.6%	1,000,000	19.03%
CMWG1904	SSI	9/28/2019	117	1:1	13,140	31.5%	1,000,000	19.63%
CVNM1901	KIS	12/13/2019	100	10:1	42,790	-22.3%	5,000,000	20.51%
CMWG1903	HSC	12/30/2019	117	5:1	46,130	-49.2%	2,000,000	19.63%
CMBB1901	SSI	9/28/2019	24	1:1	247,630	156.6%	3,000,000	20.59%
CMWG1902	VND	12/11/2019	98	4:1	810	-90.3%	2,400,000	19.63%
CFPT1903	SSI	12/30/2019	117	1:1	16,640	64.6%	2,000,000	19.03%
CHPG1905	SSI	12/30/2019	117	1:1	10,070	-61.9%	1,000,000	29.60%
CFPT1901	VND	9/11/2019	7	2:1	275,390	12.7%	2,000,000	19.03%
CHPG1903	VPBS	9/12/2019	8	2:1	92,620	-33.9%	1,500,000	29.60%
CHPG1904	SSI	9/30/2019	26	1:1	14,700	-69.7%	1,000,000	29.60%
CPNJ1901	MBS	9/10/2019	6	5:1	123,680	300.4%	1,000,000	22.63%
CHPG1901	MBS	9/10/2019	6	2:1	297,840	6.0%	2,000,000	29.60%

Chú thích:

- * Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes
- Lãi suất phi rủi ro là 4.75%
- ** Tỷ lệ chuyển đổi

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 04/09/2019, thị trường chứng quyền diễn biến ảm đạm, trong khi chứng khoán cơ sở có sự phân hóa về giá. Khối lượng giao dịch giảm.
- CHPG1901 và CPNJ1901 giảm mạnh lần lượt là 61.29% và 44.44%. Thanh khoản thị trường giảm 17.29%, CMBB1901 có khối lượng giao dịch nhiều nhất chiếm 14% thị trường.
- Ngoại trừ CMWG1901 và CFPT1901, các chứng quyền duy trì mức giá thị trường cao hơn so với mức giá lý thuyết. Nhóm chứng quyền có cổ phiếu cơ sở MWG tiếp tục là những chứng quyền tích cực nhất xét về trạng thái lãi và tỷ suất sinh lời. PNJ đang tích lũy quanh ngưỡng giá 82 sau khi tạo đáy tại ngưỡng giá 80. Thanh khoản đang có xu hướng giảm báo hiệu khả năng điều chỉnh giảm trong ngắn hạn. Bên cạnh đó, các chỉ báo kỹ thuật cũng ủng hộ trạng thái này, nhiều khả năng chứng quyền cổ phiếu này sẽ tiếp tục gặp áp lực giảm trong những phiên tới.

Tô Quang Vinh
vinhtq@bsc.com.vn

Bảng 2
Top tăng điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
TCB	21.70	1.40	0.95
VHM	89.00	1.60	0.69
MSN	75.00	1.35	0.65
MBB	23.00	0.88	0.35
MWG	117.90	0.26	0.12

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 3
Top giảm điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
VPB	19.8	-2.46	-1.20
SAB	263.5	-3.27	-0.88
VJC	130.4	-1.21	-0.60
FPT	53.2	-0.93	-0.38
VIC	122.4	-0.49	-0.35

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Giá phát hành	Giá chứng quyền	± Ngày	Giá Lý thuyết *
1,000	510	10.87%	-
2,000	7,250	2.55%	7,414.40
3,200	3,250	1.56%	1,897.90
3,800	8,840	1.14%	8,217.80
14,000	35,300	1.00%	29,278.40
1,200	730	0.00%	7.50
2,700	5,780	-0.17%	4,871.70
1,900	2,440	-0.41%	2,432.50
2,990	8,800	-0.56%	7,262.20
6,000	12,660	-3.51%	8,850.70
3,300	3,450	-4.17%	975.70
1,900	4,500	-4.66%	4,543.10
1,500	110	-8.33%	11.20
2,200	1,300	-12.75%	209.10
1,700	900	-19.64%	763.00
1,200	150	-25.00%	11.80

Mã	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CHPG1902	168,888	41,999	21,600
CMWG1901	96,300	88,300	117,900
CMBB1902	26,300	21,800	23,000
CFPT1902	96,981	45,140	53,200
CMWG1904	165,000	90,000	117,900
CVNM1901	46,340	158,888	123,800
CMWG1903	25,800	95,000	117,900
CMBB1901	23,700	20,600	23,000
CMWG1902	48,130	90,000	117,900
CFPT1903	56,154	45,140	53,200
CHPG1905	93,300	23,100	21,600
CFPT1901	27,000	44,154	53,200
CHPG1903	22,100	23,200	21,600
CHPG1904	98,800	23,100	21,600
CPNJ1901	26,300	77,981	82,500
CHPG1901	47,999	22,900	21,600

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	117.9	0.3%	0.7	2,269	2.5	7,893	14.9	5.0	49.0%	38.6%
PNJ	Bán lẻ	82.5	0.1%	1.0	799	1.6	4,727	17.5	4.5	49.0%	27.9%
BVH	Bảo hiểm	76.0	0.7%	1.3	2,316	0.4	1,505	50.5	3.5	25.6%	6.8%
PVI	Bảo hiểm	34.0	0.9%	0.7	342	0.4	3,061	11.1	1.2	51.3%	10.7%
VIC	Bất động sản	122.4	-0.5%	1.1	17,806	2.1	1,643	74.5	5.0	15.3%	8.3%
VRE	Bất động sản	34.0	-0.7%	1.1	3,443	2.0	1,033	32.9	2.8	32.3%	8.8%
NVL	Bất động sản	62.3	0.3%	0.8	2,520	1.2	3,579	17.4	2.9	7.3%	17.8%
REE	Bất động sản	36.0	-2.4%	1.0	485	0.9	5,261	6.8	1.2	49.0%	18.1%
DXG	Bất động sản	14.9	-1.0%	1.4	337	1.1	2,944	5.0	1.2	46.2%	27.0%
SSI	Chứng khoán	21.4	-0.2%	1.3	473	0.6	1,997	10.7	1.2	57.8%	10.9%
VCI	Chứng khoán	32.0	2.4%	1.0	229	0.1	5,067	6.3	1.4	37.5%	24.7%
HCM	Chứng khoán	21.1	2.2%	1.5	280	0.8	1,434	14.7	1.5	55.9%	11.1%
FPT	Công nghệ	53.2	-0.9%	0.8	1,569	3.9	4,349	12.2	2.7	49.0%	23.4%
FOX	Công nghệ	45.0	2.3%	0.4	487	0.0	3,778	11.9	3.0	0.1%	27.7%
GAS	Dầu khí	100.4	0.6%	1.5	8,355	1.0	6,066	16.6	4.3	3.7%	26.9%
PLX	Dầu khí	60.7	0.0%	1.5	3,143	0.9	3,350	18.1	3.6	13.3%	20.1%
PVS	Dầu khí	20.7	1.0%	1.7	430	1.6	2,351	8.8	0.8	23.5%	9.8%
BSR	Dầu khí	9.1	-3.2%	0.8	1,227	0.3	1,163	7.8	0.9	41.1%	11.0%
DHG	Dược	95.5	3.1%	0.5	543	0.1	4,616	20.7	4.1	54.3%	20.2%
DPM	Hóa chất	13.7	0.0%	0.7	232	0.2	853	16.0	0.7	19.4%	5.0%
DCM	Hóa chất	8.4	-0.5%	0.7	194	0.2	897	9.4	0.7	2.5%	7.3%
VCB	Ngân hàng	77.3	-0.6%	1.3	12,465	1.8	4,729	16.3	3.8	23.9%	25.6%
BID	Ngân hàng	38.6	-0.3%	1.5	5,737	1.5	2,091	18.5	2.4	3.3%	13.7%
CTG	Ngân hàng	20.0	0.3%	1.6	3,238	1.5	1,470	13.6	1.0	30.0%	7.8%
VPB	Ngân hàng	19.8	-2.5%	1.2	2,115	1.2	2,989	6.6	1.3	23.2%	20.6%
MBB	Ngân hàng	23.0	0.9%	1.1	2,113	3.3	3,215	7.2	1.4	20.0%	21.7%
ACB	Ngân hàng	22.0	-0.5%	1.1	1,551	0.3	3,438	6.4	1.5	44.3%	26.4%
BMP	Nhựa	49.1	-0.4%	0.9	175	0.1	5,017	9.8	1.7	77.1%	17.1%
NTP	Nhựa	36.7	-1.3%	0.3	142	0.0	4,490	8.2	1.4	21.0%	18.0%
MSR	Tài nguyên	15.9	-0.6%	1.2	622	0.0	732	21.7	1.2	2.0%	5.6%
HPG	Thép	21.6	-0.2%	1.0	2,593	5.5	2,760	7.8	1.4	37.7%	19.9%
HSG	Thép	6.7	-1.2%	1.5	123	0.2	425	15.8	0.5	17.6%	3.3%
VNM	Tiêu dùng	123.8	-0.2%	0.8	9,373	2.2	5,465	22.7	7.6	59.0%	35.0%
SAB	Tiêu dùng	263.5	-3.3%	0.8	7,347	0.8	6,735	39.1	9.6	63.4%	27.1%
MSN	Tiêu dùng	75.0	1.4%	1.2	3,812	0.8	3,304	22.7	2.8	40.4%	15.6%
SBT	Tiêu dùng	16.7	0.9%	0.5	380	0.8	542	30.7	1.5	5.9%	4.9%
ACV	Vận tải	80.0	-1.5%	0.8	7,572	1.3	2,630	30.4	5.7	3.6%	19.7%
VJC	Vận tải	130.4	-1.2%	1.1	2,970	1.8	9,850	13.2	5.0	18.6%	43.3%
HVN	Vận tải	35.2	-2.4%	1.7	2,168	0.6	1,747	20.1	2.8	10.0%	13.4%
GMD	Vận tải	28.3	-0.2%	0.8	365	1.1	1,888	15.0	1.4	49.0%	9.4%
PVT	Vận tải	17.6	2.6%	0.6	215	0.7	2,505	7.0	1.2	30.1%	18.2%
VCS	Vật liệu xây dựng	82.1	-6.2%	0.9	560	3.1	7,667	10.7	4.2	2.2%	44.1%
VGC	Vật liệu xây dựng	19.0	1.3%	0.9	369	0.3	1,333	14.2	1.3	13.1%	9.1%
HT1	Vật liệu xây dựng	15.5	1.3%	0.8	257	0.1	1,657	9.4	1.1	6.3%	11.7%
CTD	Xây dựng	91.8	-2.1%	0.8	305	0.2	13,535	6.8	0.9	48.9%	13.4%
VCG	Xây dựng	25.9	0.4%	1.1	497	0.4	1,352	19.2	1.7	0.0%	9.9%
CII	Xây dựng	20.4	-1.4%	0.5	220	0.4	387	52.7	1.0	52.2%	1.9%
POW	Điện	12.9	0.0%	0.6	1,313	0.2	820	15.7	1.2	14.7%	7.8%
NT2	Điện	25.1	-1.2%	0.6	314	0.1	2,241	11.2	1.8	21.9%	16.9%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VHM	89.00	1.60	1.38	862730.00
MSN	75.00	1.35	0.35	255700.00
GAS	100.40	0.60	0.34	235150.00
TCB	21.70	1.40	0.31	1.99MLN
MBB	23.00	0.88	0.13	3.30MLN

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SHB	6.30	1.61	0.11	2.04MLN
PVS	20.70	0.98	0.05	1.83MLN
MBG	13.60	9.68	0.02	31500.00
HUT	2.30	4.55	0.02	1.20MLN
DHT	40.00	2.56	0.02	15600.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SAB	263.50	-3.27	-1.69	65880.00
VIC	122.40	-0.49	-0.59	385500.00
VCB	77.30	-0.64	-0.55	527770.00
VPB	19.80	-2.46	-0.36	1.33MLN
HVN	35.15	-2.36	-0.36	388440.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VCS	82.10	-6.17	-0.18	861700.00
ACB	22.00	-0.45	-0.17	364800.00
L14	56.70	-10.00	-0.08	320500.00
SHS	7.40	-2.63	-0.03	819000.00
SJE	21.40	-7.36	-0.03	200.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VDP	38.40	6.96	0.01	3780.00
TIX	30.00	6.95	0.02	80.00
TDW	22.50	6.89	0.00	10.00
CMX	33.45	6.87	0.01	61330.00
YEG	57.70	6.85	0.03	129520.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACM	0.50	25.0	0.01	497700.00
GMX	27.50	10.0	0.01	400.00
PGN	9.90	10.0	0.00	10700.00
QHD	16.70	9.9	0.01	1200.00
C69	20.10	9.8	0.01	699200.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SZL	52.40	-6.93	-0.02	302020.00
HRC	33.60	-6.93	-0.02	1000.00
FTM	8.75	-6.91	-0.01	60.00
AGF	3.11	-6.89	0.00	840.00
CEE	14.25	-6.86	-0.01	3250.00

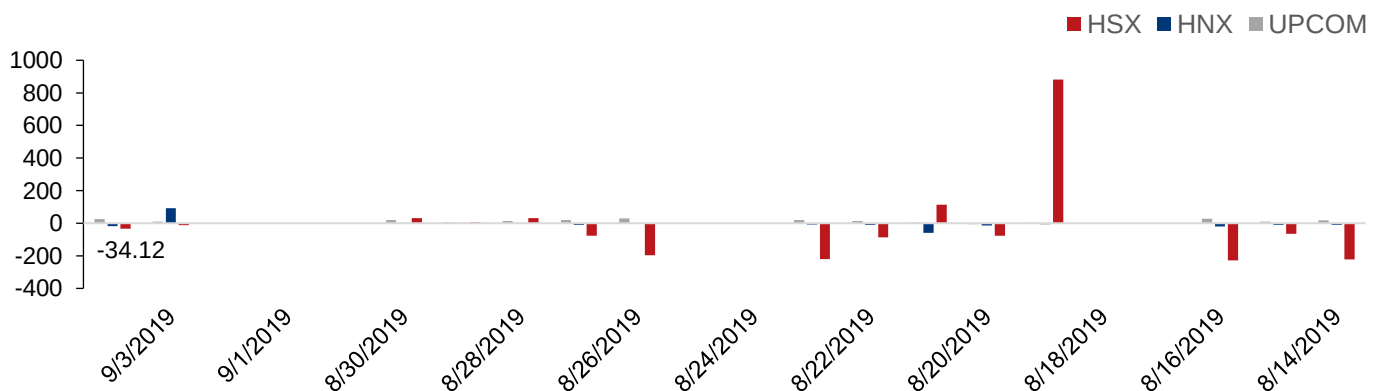
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
DPS	0.40	-20.00	0.00	914700.00
DS3	3.30	-19.51	-0.01	72700.00
INC	7.00	-17.65	0.00	100.00
NHP	0.60	-14.29	0.00	120600.00
L14	56.70	-10.00	-0.08	320500.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Loại báo cáo	Mã cổ phiếu liên quan	Link tải báo cáo
1	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2019	Phân tích ngành		Click
2	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 07.2019_Không nhiều	Phân tích vĩ mô		Click
3	Vĩ Mô & Thị Trường Quý II_Phân hóa và biến động	Phân tích vĩ mô		Click
4	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 05.2019_Kiểm tra và hồi ph	Phân tích vĩ mô		Click
5	Báo cáo Đánh giá ảnh hưởng của EVFTA	Phân tích ngành		Click
6	2019M2_Biến động giảm co chờ thông tin hỗ trợ	Phân tích vĩ mô		Click
7	2019M1_Tăng điểm từ vùng giá thấp	Phân tích vĩ mô		Click
8	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2019	Phân tích vĩ mô		Click
9	Vĩ mô_Vietnam Sector Outlook_2019_VN	Phân tích ngành		Click
10	BSC_Vietnam Sector Review_2018_VN	Phân tích ngành		Click
11	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2018	Phân tích ngành		Click
12	VM_M11_Giao dịch giảm co, toan tính cho 2019	Phân tích vĩ mô		Click
13	Vĩ mô 2018M10_Xây nền cơ bản, cơ hội phục hồi	Phân tích vĩ mô		Click
14	Vĩ mô_ Quý 3/2018_Mùa công bố KQKD quý III	Phân tích vĩ mô		Click
15	BSC_Việt Nam TTCK Mới nổi FTSE	Phân tích vĩ mô		Click
16	Vĩ mô_Tháng 08_Kỳ vọng nâng hạng từ FTSE	Phân tích vĩ mô		Click
17	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2018	Phân tích ngành		Click
18	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2018	Phân tích ngành		Click
19	Vĩ mô_Tháng 07_Phân hóa sau mùa KQKD quý II	Phân tích vĩ mô		Click
20	Vĩ mô 2018M6_Ấn số từ các yếu tố bên ngoài	Phân tích vĩ mô		Click

Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	PAC	Hóa chất	Theo dõi	22/08/2018	30.1	28.5	27.5	3,705	7.4	2.0	Click
2	FPT	CNTT	Mua mạnh	22/08/2019	54.0	75.3	53.2	4,349	12.2	2.7	Click
3	GVR	Cao su	Mua	21/08/2019	16.5	19.2	14.5	649	22.3	1.3	Click
4	MWG	Bán lẻ	Mua	20/08/2019	117.9	171.4	117.9	7,893	14.9	5.0	Click
5	PNJ	Bán lẻ	Mua	9/8/2019	84.8	97.2	82.5	4,727	17.5	4.5	Click
6	VEA	Máy công nghiệp	Theo dõi	1/7/2019	58.0	61.4	51.3	5,276	9.7	2.8	Click
7	VSC	Cảng biển	Theo dõi	24/06/2019	31.8	34.6	29.6	4,234	7.0	1.0	Click
8	ACB	Ngân hàng	Mua	24/06/2019	28.6	32.7	22.0	3,438	6.4	1.5	Click
9	VIB	Ngân hàng	Mua	24/06/2019	16.6	21.6	17.6	3,181	5.5	1.5	Click
10	HSG	Thép	Theo dõi	24/06/2019	7.7	9.0	6.7	425	15.8	0.5	Click
11	FRT	Bán lẻ	Theo dõi	20/06/2019	56.0	N/a	40.0	4,314	9.3	2.8	Click
12	MSN	Thực phẩm	Theo dõi	20/06/2019	82.8	89.8	75.0	3,304	22.7	2.8	Click
13	SCS	Hàng không	Theo dõi	11/6/2019	159.9	167.0	157.0	7,716	20.3	10.5	Click
14	GMD	Cảng biển	Theo dõi	11/6/2019	26.3	28.9	28.3	1,888	15.0	1.4	Click
15	MWG	Bán lẻ	Mua	10/6/2019	88.3	132.1	117.9	7,893	14.9	5.0	Click
16	NLG	Bất động sản	Mua	24/05/2019	31.2	40.5	28.3	3,474	8.1	1.6	Click
17	BCC	Xi măng	Mua	17/05/2019	8.7	11.2	7.7	1,433	5.4	0.4	Click
18	VHC	Thủy sản	Mua	16/05/2019	92.8	108.5	80.0	18,865	4.2	1.6	Click
19	DRC	Cao su	Theo dõi	15/05/2019	22.4	25.1	21.4	1,295	16.5	1.7	Click
20	TNG	Dệt may	Theo dõi	8/5/2019	20.8	21.0	17.8	3,437	5.2	1.2	Click



TRỢ LÝ THÔNG MINH iBROKER

Nhanh chóng, chính xác, chuyên sâu

BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)
[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express SAB 2019Q3	22/8/2019	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu ; Giá tại Publish 277000 SAB hiện đang giao dịch ở mức 277,000 VND/CP với PE TTM là 44x và PB TTM là 10x , chúng tôi cho rằng giá hiện tại của SAB đang cao hơn mức PE và PB trung vị ngành trong khu vực lần lượt là 25.1x và 1.9x vì thế chúng tôi khuyến nghị cần thận trọng khi đầu tư cổ phiếu SAB. Ban Lãnh Đạo mới của SAB hiện đang tái cấu trúc toàn bộ bộ máy của công ty nên kì vọng SAB sẽ cải thiện lên trong 219-2020. Tuy nhiên, rủi ro có thể đến từ sự cạnh tranh khốc liệt với các đối thủ ngoại như Heineken ở khu vực thành thị. PE của SAB đang 44x khá cao so với mức trung vị của ngành trong khu vực là 25.1x.
Express GMD 2019Q3	16/8/2019	Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 33350 ; Giá tại Publish 27000 BSC dự báo DT và LNST đạt lần lượt 3,016.5 tỷ đồng (+11.4% yoy) và 694.9 tỷ đồng (+15% yoy, đã loại trừ LNBT 2018), tương đương EPS FW là 1,972 VND/CP (đã loại trừ QKTPL). Cảng Nam Đình Vũ giai đoạn 1 khả năng vượt kế hoạch từ 382-400 ngàn TEUs khi có thêm 2 tàu hàng mới vào tháng 8-10/2019. Ngoài ra, giai đoạn 2 của cảng Nam Đình Vũ sẽ triển khai vào 2H2019. Dự án Gemalink sẽ hoàn thành vào Q2-Q3/2020 giúp tăng công suất ở khu vực Cái Mép Thị Vải.
Express VNM 2019Q3	16/8/2019	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu 138500 ; Giá tại Publish 120600 BSC dự báo VNM DTT và LNST 2019F đạt lần lượt 56,398 tỷ đồng (+7.2% yoy) và 11,165 tỷ đồng (+9% yoy), tương đương EPS fw 2019F là 5,792 đồng/cp , PE FW là 21x và PB fw là 6.9x. SCIC thoái vốn khỏi VNM trong 2020. VNM ra mắt nhiều sản phẩm mới đáp ứng được thị hiếu người tiêu dùng qua đó giúp tăng trưởng doanh thu. Tăng trưởng thị phần nội địa nhờ mở rộng điểm bán tăng độ bao phủ, chiến dịch marketing và khuyến mãi tốt giúp tăng nhận diện thương hiệu. Tuy nhiên, sữa nội địa bị cạnh tranh nhiều nếu các hãng sữa nước ngoài vào Việt Nam thông qua các hiệp định thương mại EVFTA.
Express MSN 2019Q3	16/8/2019	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu 82300 ; Giá tại Publish 75000 BSC dự báo KQKD MSN Doanh thu và LNST 2019F lần lượt đạt 42,215 tỷ đồng (+7.2% yoy) và 5,239 tỷ đồng (-6.8% yoy), nếu trừ đi lợi nhuận bất thường 2018 thì LNST 2019 tăng 22%, EPS FW 2019F đạt 4,302 VND/CP, PE FW = 17.4x và PB FW = 2.4x. Giá thịt heo phục hồi trở lại sau đợt dịch AFS trong 2H2019. Tuy nhiên, tốc độ tăng trưởng ngành hàng tiêu dùng của Masan Consumer đang chậm hơn kỳ vọng. Thức ăn chăn nuôi dành cho heo tiếp tục giảm trong 6M2019 do ảnh hưởng của dịch AFS. Giá vonfram duy trì ở mức thấp khoảng 250-260 USD/MTU ảnh hưởng tới KQKD mảng Masan Resources.
Express HAH 2019Q3	22/8/2019	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá tại Publish 15050 Chúng tôi đánh giá HAH tăng trưởng chủ yếu nhờ vào mảng vận tải biển khi các hoạt động giao thương của Việt Nam và Trung Quốc đang tăng lên và đồng thời HAH cũng đang mua thêm tàu mới nhằm mở rộng hoạt động kinh doanh. Giá cước vận tải biển ở Việt Nam sẽ tốt hơn khi quy ước IMO có hiệu lực. HAH đầu tư mở rộng đội tàu vận chuyển container giúp trẻ hóa đội tàu và đáp ứng được nhu cầu vận chuyển hàng hóa bằng đường biển ngày càng tăng. Tuy nhiên, tăng trưởng của mảng cảng Hải An sẽ không còn nhiều khi sản lượng container thông cảng đã đạt 100% công suất là 300,000 TEUs/năm và việc hoàn thành cầu Bạch Đằng làm khó khăn cho hãng tàu mới vào.

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV

35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ

Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>

